

Số: 1486/QyĐ-ĐHKT-QLKH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2021

**QUY ĐỊNH**  
**Về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên**  
**Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quy chế số 40/QC-ĐHKT-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng trường về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quy định số 327/QyĐ-ĐHKT-TCHC ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế;*

*Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ban hành Quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên của Trường.*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định các hoạt động nghiên cứu khoa học, định mức nghiên cứu khoa học trong năm, quy định số giờ nghiên cứu khoa học của từng hoạt động.
2. Quy định này áp dụng đối với giảng viên, trợ giảng cơ hữu của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây được gọi tắt là UEH) và các đối tượng khác theo quy định của Hiệu trưởng.

**Điều 2. Định mức nghiên cứu khoa học**

1. Định mức nghiên cứu khoa học cho giảng viên trong một năm học là 586 giờ. Các trường hợp miễn, giảm định mức nghiên cứu khoa học được quy định cụ thể tại Điều 4 quy định này.
2. Không quy định định mức nghiên cứu khoa học đối với giảng viên đang đảm nhận công tác tại các đơn vị khối quản lý và cán bộ, viên chức không phải là giảng viên.

**Điều 3. Các hoạt động nghiên cứu khoa học**

1. Giảng viên chủ trì và tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học: bao gồm đề xuất đề tài được phê duyệt, viết thuyết minh tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài, chủ nhiệm đề tài, thành viên tham gia quá trình nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu. Xét theo cấp chủ quản và nguồn tài trợ cho nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu khoa học được phân chia như sau:



a) Đề tài cấp Quốc gia: Đề tài thuộc chương trình cấp Nhà nước, đề tài độc lập cấp Nhà nước, đề tài theo Nghị định thư, đề tài do quỹ NAFOSTED tài trợ.

b) Đề tài cấp Bộ và tương đương:

- Đề tài cấp Bộ: đề tài do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ khác quản lý; các nhiệm vụ, dự án nghiên cứu - triển khai do các bộ chủ trì ((gọi tắt là cấp bộ);

- Đề tài nhánh thuộc chương trình cấp Nhà nước hoặc đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Nhà nước;

- Đề tài thuộc Chương trình Khoa học - Công nghệ cấp Bộ;

- Đề tài hợp tác song phương do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý: đề tài do Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức nghiên cứu hoặc trường đại học nước ngoài đồng tài trợ;

- Đề tài hợp đồng với các địa phương (cấp tỉnh/thành) do ngân sách nhà nước tài trợ;

- Đề tài, dự án được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp nhận tương đương đề tài cấp Bộ, hoặc được UEH chấp nhận tương đương đề tài cấp Bộ.

c) Đề tài cấp Trường do Hiệu trưởng UEH phê duyệt.

2. Công bố kết quả nghiên cứu khoa học theo các hình thức sau đây:

a) Bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước có ISSN.

b) Bài báo khoa học được đăng trên kỷ yếu của các hội thảo khoa học có ISSN hoặc ISBN.

c) Sách chuyên khảo trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về một vấn đề khoa học chuyên ngành của tác giả phù hợp với chuyên ngành giảng dạy, được UEH thẩm định và đưa vào phục vụ cho việc giảng dạy. Trong trường hợp sách chuyên khảo được viết từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu thì không cần thẩm định.

d) Các hoạt động khoa học khác của UEH theo quy định.

## Chương II QUY ĐỊNH VỀ SỐ GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

### **Điều 4. Các trường hợp miễn, giảm định mức nghiên cứu khoa học**

Giảng viên thuộc các đối tượng sau đây được miễn, giảm số giờ định mức nghiên cứu khoa học. Định mức cho mỗi đối tượng cụ thể như sau:

Stt	Giảng viên	Định mức
1	Giảng viên tập sự	$25\% \times 586 \text{ giờ} = 147 \text{ giờ}$
2	Giảng viên mới, năm thứ nhất	$50\% \times 586 \text{ giờ} = 293 \text{ giờ}$
3	Giảng viên mới, năm thứ hai	$85\% \times 586 \text{ giờ} = 498 \text{ giờ}$
4	Giảng viên được UEH cử đi học sau đại học:	
	Thuộc diện học tập trung	0 giờ
	Thuộc diện học không tập trung	$50\% \times 586 \text{ giờ} = 293 \text{ giờ}$
	Trong thời gian học quá hạn (căn cứ theo Quyết định của Hiệu trưởng) không được miễn, giảm định mức nghiên cứu khoa học	586 giờ

Stt	Giảng viên	Định mức
5	Giảng viên nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi được giảm định mức nghiên cứu khoa học tương ứng với thời gian làm việc được giảm theo Bộ Luật Lao động hiện hành ( <i>60 phút mỗi ngày làm việc</i> ). Định mức nghiên cứu khoa học được giảm là 73 giờ (= 1giờ/ngày × 5 ngày/tuần × 44 tuần × 1/3)	586 giờ - 73 giờ = 513 giờ
6	Giảng viên đang đảm nhận công tác quản lý tại các đơn vị đào tạo	
	- Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa và tương đương	
	▪ Trưởng khoa/Phó trưởng Khoa phụ trách	70% × 586 giờ = 410 giờ
	▪ Phó Trưởng khoa	75% × 586 giờ = 440 giờ
	- Trưởng bộ môn, Phó Trưởng bộ môn	
	♦ Trưởng bộ môn	80% × 586 giờ = 469 giờ
	♦ Phó Trưởng bộ môn	85% × 586 giờ = 498 giờ
7	Giảng viên Ban Giáo dục thể chất	33% × 586 giờ = 193 giờ
	- Giảng viên Ban Giáo dục thể chất thuộc các trường hợp 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều này: áp dụng định mức 193 giờ với tỉ lệ miễn, giảm tương ứng. - Các hình thức nghiên cứu khoa học: huấn luyện và hướng dẫn sinh viên, vận động viên UEH thi đấu đạt giải các cấp. Quy đổi: 1 giờ huấn luyện = 2 giờ nghiên cứu khoa học. Kết quả sẽ được nhân hệ số tùy theo cấp độ của giải (cấp trường: 0,5; cấp ngành: 1; cấp tỉnh/thành phố: 1,5; cấp nhà nước: 2).	
8	Giảng viên trong thời gian nghỉ thai sản, chữa bệnh dài ngày được miễn, giảm định mức nghiên cứu khoa học theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội (căn cứ Quyết định có liên quan của Hiệu trưởng).	
9	Giảng viên nữ có con nhỏ được giảm trừ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo tỷ lệ tương ứng với thời gian làm việc được giảm trừ theo Bộ luật Lao động hiện hành.	
10	Giảng viên chuyển đổi sang giảng dạy môn học mới được miễn, giảm định mức nghiên cứu khoa học theo Quyết định có liên quan của Hiệu trưởng.	
11	Các trường hợp miễn, giảm khác căn cứ theo Quyết định có liên quan của Hiệu trưởng.	
12	Giảng viên đề xuất chuyển đổi thời gian dành cho giảng dạy sang tập trung vào nghiên cứu khoa học, căn cứ theo Quyết định của Hiệu trưởng. Quy đổi: 1 giờ giảng dạy = 1 giờ nghiên cứu khoa học.	



**Điều 5. Quy định số giờ nghiên cứu khoa học đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, và minh chứng kê khai nghiên cứu khoa học**

Số giờ nghiên cứu khoa học cho mỗi hoạt động nghiên cứu khoa học và yêu cầu minh chứng cụ thể như sau:

Stt	Các hoạt động nghiên cứu khoa học	Số giờ	Minh chứng
<b>1</b>	<b>Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học</b>		
1.1	Hoàn thành đề tài cấp Nhà nước	6.000 giờ/đề tài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng</li> <li>- Biên bản nghiệm thu: đề tài đạt từ trung bình trở lên</li> <li>- Bản thanh lý hợp đồng</li> </ul>
1.2	Hoàn thành đề tài Nafosted	3.000 giờ/đề tài	
1.3	Hoàn thành đề tài cấp Bộ và tương đương	1.800 giờ/đề tài	
1.4	Hoàn thành đề tài cấp Trường	600 giờ/đề tài	
1.5	Hoàn thành đề tài cấp Trường trọng điểm	1.200 giờ/đề tài	
1.6	Đề xuất tên đề tài cấp Nhà nước, Nafosted, cấp Bộ và tương đương (trong danh mục đề xuất của Trường, đề xuất này được đơn vị chủ quản đưa vào danh mục tuyển chọn chủ trì đề tài)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100 giờ/đề xuất cấp Nhà nước, Nafosted</li> <li>- 50 giờ/đề xuất cấp Bộ và tương đương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản đề xuất của cá nhân</li> <li>- Danh mục đề tài của đơn vị chủ quản</li> </ul>
1.7	Thuyết minh đề tài cấp Nhà nước, Nafosted, cấp bộ (được Trường gửi tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 600 giờ/đề tài cấp Nhà nước, Nafosted</li> <li>- 300 giờ/đề tài cấp Bộ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết minh tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài</li> </ul>
1.8	Đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên đạt giải thưởng <sup>1</sup>	200 giờ/đề tài <sup>2</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của Ban tổ chức giải thưởng</li> </ul>
1.9	Hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên đạt giải cấp trường <sup>3</sup> (Nhà nghiên cứu trẻ UEH, UEH 500)	100 giờ/đề tài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác nhận đề tài đạt giải của Ban tổ chức giải thưởng</li> </ul>
1.10	Hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên đạt giải cấp Thành phố/Bộ <sup>3</sup>	300 giờ/đề tài	
1.11	Hướng dẫn sinh viên chất lượng cao nghiên cứu khoa học	40 giờ/đề tài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách phân công và có xác nhận của Trường Khoa/Ban/Viện</li> </ul>

<sup>1</sup> Giải thưởng Khoa học và Công nghệ dành cho giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các giải thưởng nghiên cứu khoa học khác của các bộ hoặc tỉnh/thành phố thuộc TW

<sup>2</sup> Được tính vào năm đạt giải thưởng

<sup>3</sup> Trong trường hợp đề tài được nhiều giải thưởng trong cùng một năm, chỉ tính giờ nghiên cứu khoa học tương ứng với mức giải thưởng cao nhất.

Stt	Các hoạt động nghiên cứu khoa học	Số giờ	Minh chứng
<b>2</b>	<b>Công bố kết quả nghiên cứu</b>		
2.1	ISI (SSCI, SCIE) phân nhóm Q1, hoặc ABDC hạng A*	6.000 giờ/bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đăng trên Tạp chí (online hoặc bản in)</li> <li>- Bìa &amp; Mục lục Kỷ yếu Hội thảo hoặc địa chỉ website công bố bài tham luận</li> </ul>
2.2	ISI (SSCI, SCIE) phân nhóm Q2, hoặc ABDC hạng A	5.000 giờ/bài	
2.3	ISI (SSCI, SCIE) phân nhóm Q3, hoặc Scopus Q1	4.000 giờ/bài	
2.4	ISI (SSCI, SCIE) phân nhóm Q4, hoặc Scopus Q2	3.000 giờ/bài	
2.5	ABDC (hạng B) hoặc Scopus Q3	2.500 giờ/bài	
2.6	- Scopus Q4, Scopus chưa có xếp hạng, ESCI - Chương sách chuyên khảo (Book Chapters/Series) thuộc một số nhà xuất bản uy tín trên thế giới	2.000 giờ/bài	
2.7	- Bài đăng tạp chí quốc tế (có ISSN) chưa đạt tiêu chuẩn mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6 trên đây - Bài Hội thảo đăng Kỷ yếu khoa học quốc tế được các nhà xuất bản khoa học công bố, dưới dạng book chapter hoặc bài báo khoa học, có ISSN hoặc ISBN	1.200 giờ/bài	
2.8	Tạp chí trong nước thuộc danh mục tạp chí được HƣCDGSNN chấp nhận: - Tạp chí 01 điểm trở lên  - Các tạp chí khác	- 1.200 giờ cho bài tiếng Anh và 900 giờ cho bài tiếng Việt  - 450 giờ/bài	
2.9	Bài đăng trên tạp chí khoa học (journal) không thuộc danh mục tạp chí được HƣCDGSNN chấp nhận, có ISSN	300 giờ/bài	
2.10	Bài tham luận tại hội thảo khoa học:		
	Bài đăng trong Kỷ yếu Hội thảo trong nước được xuất bản, hoặc được công bố toàn văn trên website của đơn vị tổ chức hội thảo và có ISSN hoặc ISBN	400 giờ/bài	Bìa & Mục lục kỷ yếu hội thảo hoặc địa chỉ website công bố bài tham luận
	Không xuất bản kỷ yếu nhưng có công bố tóm tắt bài tham luận trên website của đơn vị tổ chức	200 giờ/bài	Địa chỉ website công bố bài tham luận



Stt	Các hoạt động nghiên cứu khoa học	Số giờ	Minh chứng
	Trường hợp khác (không xuất bản kỷ yếu và không công bố bài tham luận trên website của đơn vị tổ chức)	100 giờ/bài	- Mục lục tài liệu Hội thảo và bài tham luận
	Bài hội thảo khoa học của giảng viên tại Hội thảo khoa học cấp Khoa	200 giờ/bài	- Xác nhận của Trưởng Khoa - Tập Kỷ yếu hội thảo cấp Khoa hàng năm
2.11	Sách chuyên khảo	3.000 giờ/đầu sách, chia theo tỷ lệ số lượng tác giả	- Văn bản đăng ký yêu cầu thẩm định - Sản phẩm, ấn phẩm - Biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định do UEH thành lập
2.12	Đề tài/đề án tư vấn cấp doanh nghiệp	200 giờ	Hợp đồng tư vấn, biên bản thanh lý
2.13	Viết bài cho các tọa đàm về khoa học/đào tạo do Công đoàn trường tổ chức	50 giờ/bài	Bài viết
2.14	Bài báo cáo tham luận trong các chuỗi Seminar của Khoa/Viện	30 giờ/bài	Bài viết
<b>3</b>	<b>Các hoạt động “Dẫn thân/đóng góp tri thức cho xã hội và cộng đồng”</b>		
3.1	Diễn giả chính (keynote speaker) hội thảo.	- Trong nước: 50 giờ/hội thảo - Quốc tế: 200 giờ/hội thảo	Chương trình hội thảo
3.2	Chủ tọa (session chair) phiên hội thảo: - Hội thảo nghiên cứu khoa học cấp trường tại UEH - Hội thảo quốc tế	- 50 giờ/người/phiên - 150 giờ/người/phiên	Được cấp chứng nhận từ hội thảo
3.3	Thành viên Hội đồng khoa học của các hội thảo quốc tế của Khoa/Trường có đăng ký tại UEH	- Cấp trường: 100 giờ - Cấp khoa: 50 giờ (người/hội thảo)	Quyết định của Khoa/Trường
3.4	Phản biện tạp chí khoa học - Phản biện bài viết cho JABES (phiên bản tiếng Anh), tạp chí quốc tế ISI/SCOPUS/ABDC - Phản biện bài viết cho JABES (phiên bản tiếng Việt) - Các tạp chí khoa học khác	- 100 giờ/bài  - 50 giờ/bài  - 20 giờ/bài	Email cảm ơn/xác nhận của tạp chí

Stt	Các hoạt động nghiên cứu khoa học	Số giờ	Minh chứng
3.5	- Tham gia hội đồng tư vấn cấp quốc gia - Tham gia hội đồng tư vấn cấp bộ/cấp tỉnh/thành	- 300 giờ/năm - 200 giờ/năm	Quyết định/ văn bản xác nhận của hội đồng
3.6	Thành viên các hiệp hội nghề nghiệp và khoa học quốc tế uy tín	50 giờ/năm	Xác nhận hàng năm của hiệp hội và của Khoa/Viện
3.7	Tham gia ban chuyên môn các cuộc thi học thuật cấp Khoa của sinh viên	30 giờ/người/ cuộc thi	Xác nhận của Khoa

### **Điều 6. Phân chia số giờ nghiên cứu khoa học cho nhóm tác giả**

Nếu hoạt động nghiên cứu khoa học do nhóm tác giả thực hiện, số giờ nghiên cứu khoa học tương ứng với hoạt động đó được phân chia như sau:

- Đối với đề tài: nếu nhóm tác giả gồm 2 người, chủ nhiệm được 2/3 số giờ, thành viên còn lại được 1/3 số giờ; nếu nhóm tác giả gồm 3 người, chủ nhiệm được 1/2 số giờ, 1/2 số giờ chia đều cho 2 thành viên khác; nếu nhóm tác giả trên 3 người: chủ nhiệm đề tài được 1/3 số giờ, 2/3 số giờ chia đều cho các thành viên khác.

- Đối với bài báo khoa học: nếu có nhiều tác giả thì chia đều tổng số giờ nghiên cứu cho các tác giả.

- Đối với sách chuyên khảo: chủ biên được 1/5 tổng số giờ nghiên cứu; các đồng tác giả (kể cả chủ biên) được chia 4/5 tổng số giờ nghiên cứu.

### **Điều 7. Thời điểm tính giờ nghiên cứu khoa học và bảo lưu số giờ nghiên cứu khoa học**

1. Thời điểm tính giờ nghiên cứu khoa học: hoạt động nghiên cứu khoa học được tính giờ nghiên cứu khoa học trong năm hoàn thành (nghiệm thu/công bố kết quả nghiên cứu/thanh lý hợp đồng).

Đối với đề tài nghiên cứu khoa học không hoàn thành, giờ nghiên cứu khoa học được tính theo tỉ lệ thực hiện căn cứ vào thuyết minh đề cương, hợp đồng nghiên cứu và biên bản nghiệm thu. Tỷ lệ này do hội đồng nghiệm thu đánh giá và xác định.

2. Bảo lưu số giờ nghiên cứu khoa học vượt định mức: Số giờ hoạt động nghiên cứu khoa học vượt định mức được bảo lưu tối đa ba (03) năm tiếp theo năm hoàn thành, cụ thể như sau:

03 năm đối với công bố quốc tế hoặc đề tài cấp Nhà nước, Nafosted;

02 năm đối với: đề tài cấp Bộ/tương đương, xuất bản sách chuyên khảo;

01 năm đối với các trường hợp:

- Đề tài cấp Trường;

- Bài đăng trên tạp chí trong nước (tạp chí được HĐCDGSNN chấp nhận);

- Bài đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học được xuất bản, bài được công bố toàn văn trên website của đơn vị tổ chức hội thảo có ISBN;

Các hoạt động khoa học khác hoàn thành năm nào tính được tính giờ nghiên cứu khoa học cho năm đó, không bảo lưu cho các năm sau.



### **Điều 8. Quy đổi định mức giờ giảng và giờ nghiên cứu khoa học**

1. Cách thức quy đổi giữa giờ giảng và giờ nghiên cứu khoa học được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.
2. Tỷ lệ quy đổi: 1 giờ nghiên cứu khoa học = 1 giờ chuẩn giảng dạy.
- Số giờ nghiên cứu khoa học vượt định mức trong năm đã được quy đổi thành số giờ chuẩn giảng dạy không được bảo lưu sang các năm sau.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 9. Điều khoản áp dụng**


1. Giảng viên nghiên cứu khoa học vượt định mức được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo các quy định hiện hành.
2. Giảng viên được hưởng nhiều mức miễn, giảm định mức giờ nghiên cứu khoa học thì áp dụng mức miễn, giảm nhiều nhất.
3. Sau khi quy đổi giờ giảng vượt định mức thành giờ nghiên cứu khoa học mà giảng viên vẫn không hoàn thành định mức giờ nghiên cứu khoa học thì sẽ chịu chế tài theo các quy định hiện hành.

### **Điều 10. Kê khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và thống kê giờ nghiên cứu khoa học**

1. Giảng viên kê khai trực tuyến trên hệ thống Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học ngay sau khi hoạt động nghiên cứu khoa học được hoàn thành/chấp nhận.
2. UEH tổng kết số giờ hoạt động hàng năm vào ngày 15 tháng 11. Những hoạt động kê khai sau ngày 15/11 được tính giờ nghiên cứu khoa học cho năm tiếp theo.

### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực thi hành từ năm 2021, thay thế Quyết định 1385/QyĐ-ĐHKT-QLKH ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ban hành “Quy định về Nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh”.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị gửi ý kiến về Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.
3. Các Trường đơn vị, cá nhân liên quan và toàn thể giảng viên chịu trách nhiệm thi hành quy định này./.

Nơi nhận: 

- Chủ tịch HĐT;
- Các đơn vị thuộc UEH;
- Toàn thể giảng viên;
- Portal UEH;
- Lưu: VT, QLKH.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Sử Đình Thành